

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
VỤ PHÁP CHẾ**

**Sổ tay hướng dẫn
PHÒNG, CHỐNG LAO ĐỘNG
CƯỜNG BỨC TRONG CÁC CƠ SỞ
CAI NGHIỆN MA TÚY**

Hà Nội, năm 2022

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
A. THẾ NÀO LÀ LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ CỦA LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC	4
I. Thế nào là lao động cưỡng bức	5
II. Các trường hợp ngoại lệ không bị coi là lao động cưỡng bức	5
B. HƯỚNG DẪN VỀ PHÒNG, CHỐNG LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC TRONG CÁC CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TUÝ	7
I. Đối với các cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc	8
1. Trong giai đoạn tiếp nhận, phân loại	8
2. Trong giai đoạn giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách	9
3. Trong giai đoạn lao động, lao động trị liệu	10
4. Trong giai đoạn chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng	14
II. Đối với các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện	14
PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ DẤU HIỆU NHẬN BIẾT LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC	16
PHỤ LỤC 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM CÓ LIÊN QUAN VỀ LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC VÀ CHẾ ĐỘ LAO ĐỘNG CỦA HỌC VIÊN TRONG CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TUÝ	21

“Sản phẩm thuộc khuôn khổ hợp tác của dự án của ILO về *Thúc đẩy áp dụng các Công ước Cơ bản của ILO theo Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh Châu Âu và Việt Nam*. Dự án do Liên minh Châu Âu tài trợ. Nội dung trong tài liệu không nhất thiết phản ánh quan điểm của Liên minh Châu Âu”.

Mở đầu

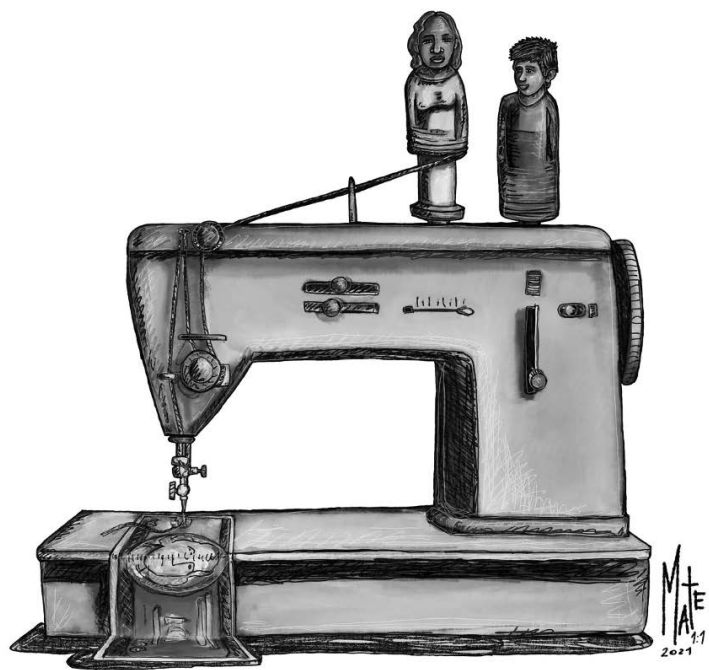
Xóa bỏ lao động cưỡng bức là một trong các tiêu chuẩn lao động quốc tế cơ bản, đã được cộng đồng quốc tế công nhận và khẳng định trong Tuyên bố của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) năm 1998 về các nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động và Tuyên bố của ILO năm 2008 về Bình đẳng Xã hội trong Toàn cầu hoá Công bằng. Tiêu chuẩn này đã được thúc đẩy rộng rãi trong các quốc gia thành viên ILO và được khẳng định trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó có Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương và Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam với Liên minh Châu Âu.

Là quốc gia thành viên của ILO và đã gia nhập 02 Công ước ILO về Xóa bỏ lao động cưỡng bức (Công ước số 29 và Công ước số 105), Việt Nam đã và đang nỗ lực, nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện tiêu chuẩn lao động quốc tế về xóa bỏ lao động cưỡng bức.

Với sự hỗ trợ của Văn phòng ILO tại Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội biên soạn cuốn Sổ tay này, nhằm giúp cho các cơ sở cai nghiện ma túy, các cơ quan có thẩm quyền, người cai nghiện ma túy và các độc giả quan tâm... tiếp cận và nắm bắt được những nội dung căn bản để phòng ngừa lao động cưỡng bức trong các cơ sở cai nghiện ma túy.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn Sổ tay tới bạn đọc. Quá trình biên soạn cuốn tài liệu không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến góp ý, phản hồi từ quý độc giả.

A. THẾ NÀO LÀ LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP NGOẠI LỆ CỦA LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC



Ảnh thuộc bản quyền ILO Việt Nam

I. Thế nào là lao động cưỡng bức:

La o động cưỡng bức chỉ mọi công việc hoặc dịch vụ mà một người bị ép buộc phải làm dưới sự đe dọa của sự trừng phạt nào đó và bản thân người đó không tự nguyện làm⁽¹⁾.

Như vậy, một hoạt động lao động được coi là lao động cưỡng bức khi có sự hiện diện của cả 3 yếu tố sau:

- Thứ nhất, một người thực hiện một công việc hoặc dịch vụ cho người khác;
- Thứ hai, người này không tự nguyện thực hiện công việc hoặc dịch vụ đó;
- Thứ ba, người thực hiện công việc hoặc dịch vụ đó bị đe dọa sẽ chịu một sự trừng phạt nào đó nếu không tiến hành công việc hoặc dịch vụ đó.

II. Các trường hợp ngoại lệ không bị coi là lao động cưỡng bức:

Các trường hợp ngoại lệ về lao động cưỡng bức⁽²⁾ bao gồm:

1. Công việc có tính chất quân sự thuần túy phải thực hiện theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự.
2. Công việc hoặc dịch vụ thuộc những nghĩa vụ công dân bình thường.
3. Mọi công việc hoặc dịch vụ mà một người buộc phải làm do hệ quả từ quyết định của tòa án, với điều kiện là công việc hoặc dịch vụ đó phải được tiến hành dưới sự giám sát và

¹ Khoản 1 Điều 2 Công ước số 29 của ILO về Lao động cưỡng bức; Khoản 7 Điều 3 Bộ luật Lao động năm 2019.

² Khoản 2 Điều 2 Công ước số 29 của ILO về Lao động cưỡng bức.

kiểm tra của cơ quan công quyền, và người đó không được tuyền dụng và bị đặt dưới quyền sử dụng của cá nhân, công ty hoặc hiệp hội tư nhân.

4. Mọi công việc hoặc dịch vụ buộc phải làm trong những trường hợp khẩn cấp, trong trường hợp chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh nghiêm trọng, những tình huống gây nguy hiểm cho đời sống hoặc sự bình yên của toàn thể hoặc một phần dân cư.

5. Những dịch vụ của thôn, xã vì lợi ích trực tiếp của cộng đồng và do những thành viên của cộng đồng đó thực hiện, với điều kiện là những thành viên của cộng đồng đó hoặc những người đại diện trực tiếp của họ được tham khảo ý kiến về sự cần thiết của những dịch vụ ấy.

Lưu ý: Lao động của người cai nghiện ma túy trong các cơ sở cai nghiện bắt buộc được coi là trường hợp ngoại lệ của lao động cưỡng bức khi đáp ứng đủ 3 điều kiện⁽³⁾ của trường hợp thứ 3 nêu trên như sau:

- **Điều kiện số 1:** Theo quy định của pháp luật Việt Nam⁽⁴⁾, việc đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do Tòa án quyết định.
- **Điều kiện số 2:** Việc lao động, lao động trị liệu của người cai nghiện ma túy bắt buộc do các cơ sở cai nghiện công lập quản lý trực tiếp.
- **Điều kiện số 3:** Người cai nghiện ma túy bắt buộc không bị chuyển nhượng hoặc bị đặt dưới quyền kiểm soát và sử dụng của tư nhân.

³ Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 2 Công ước số 29 của ILO về Lao động cưỡng bức.

⁴ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật phòng, chống ma túy năm 2021; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

B. HƯỚNG DẪN VỀ PHÒNG, CHỐNG LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC TRONG CÁC CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TUÝ



Ảnh thuộc bản quyền ILO Việt Nam

I. ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY BẮT BUỘC

1. Trong giai đoạn tiếp nhận, phân loại

1.1. Tư vấn, cung cấp thông tin đầy đủ cho người cai nghiện ma túy và gia đình họ về phương pháp cai nghiện, nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện, quyền và nghĩa vụ của người cai nghiện ma túy. Đặc biệt, cần thông tin rõ ràng về giai đoạn lao động, lao động trị liệu, học nghề đối với người cai nghiện. Đối với người cai nghiện bắt buộc thì giai đoạn lao động, lao động trị liệu, học nghề là yêu cầu bắt buộc.

1.2. Kiểm tra đồ dùng cá nhân của người cai nghiện ma túy nhưng không được giữ lại giấy tờ tùy thân của họ. Chỉ loại trừ các chất ma túy, kể cả thuốc gây nghiện, các thuốc có dẫn suất từ ma túy nhóm chất dạng thuốc phiện.

1.3. Phân loại đối tượng, bố trí vào các khu cai nghiện phù hợp và tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện ma túy cho từng người.

Cần lưu ý về điều kiện sinh hoạt của các khu điều trị để đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ, không độc hại, lành mạnh và đảm bảo riêng tư đối với người cai nghiện.

Các công trình xây dựng, trang thiết bị phải bảo đảm cho người nghiện ma túy tiếp cận và sử dụng thuận tiện, an toàn; đáp ứng các điều kiện về môi trường, phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật; bảo đảm các tiêu chuẩn về y tế, vệ sinh, quần áo và dinh dưỡng đối với người cai nghiện; bảo

đảm cho người cai nghiện được tiếp cận về văn hóa, thể dục, thể thao và giải trí phù hợp với truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm của đối tượng.

1.4. Cung cấp số điện thoại liên hệ cụ thể và minh bạch trong cơ sở cai nghiện ma túy để người cai nghiện ma túy trong các trường hợp cần trợ giúp, phản ánh... có thể được hỗ trợ kịp thời.

2. Trong giai đoạn giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách

2.1. Khi thực hiện liệu pháp tâm lý đối với người cai nghiện ma túy, giúp người cai nghiện tháo gỡ những vướng mắc, lo lắng về gia đình, sức khỏe và bệnh tật, cần đảm bảo không dọa nạt, đe dọa họ, không khiến cho họ sợ hãi và cảm thấy bị cô lập.

2.2. Tư vấn thông tin đầy đủ, chi tiết và chính xác cho người cai nghiện ma túy, đặc biệt là thông tin liên quan đến quyền lợi của người cai nghiện ma túy và những liệu pháp được sử dụng trong giai đoạn giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách.

2.3. Trong giai đoạn này, có sự kết hợp việc học tập, trị liệu với việc tư vấn, khuyến khích người cai nghiện tham gia các hoạt động lao động sinh hoạt hàng ngày tại cơ sở để tạo ý thức, thói quen tốt trong sinh hoạt.

3. Trong giai đoạn lao động, lao động trị liệu

3.1. Lao động, lao động trị liệu do cơ sở cai nghiện tổ chức

a) Trước khi thực hiện lao động, lao động trị liệu đối với người cai nghiện ma túy, cần đảm bảo họ được tư vấn đầy đủ, căn kẽ về các hoạt động lao động, lao động trị liệu, giúp người cai nghiện ma túy hiểu rõ lao động trị liệu nhằm giúp người cai nghiện cải thiện về sức khỏe thể chất, tâm trí, tăng cường ý thức tổ chức, kỷ luật trong lao động, nâng cao tinh thần tự lập và giúp người cai nghiện nhận thức được giá trị của lao động.

– Gợi ý một số thông tin căn bản cần phải được tư vấn cho người cai nghiện ma túy:

- Công việc thực hiện;
- Điều kiện làm việc;
- Điều kiện sinh hoạt và ăn ở;
- Nơi làm việc...

– Trường hợp người cai nghiện chưa đồng ý với liệu pháp lao động, lao động trị liệu cần tiến hành liệu pháp tâm lý với họ giúp họ hiểu rõ giá trị và mục đích của liệu pháp lao động, lao động trị liệu, nhưng không đe dọa họ, không bạo lực thân thể của họ, không cô lập họ nhằm mục đích ép buộc họ thực hiện liệu pháp lao động, lao động trị liệu.

b) Bố trí các công việc phù hợp với sức khỏe, giới tính, độ tuổi, tình trạng bệnh của người cai nghiện ma túy.

c) Đảm bảo người cai nghiện ma túy tuân thủ quy chế của cơ sở cai nghiện.

d) Đảm bảo thời gian làm việc của người cai nghiện ma túy không kéo dài vượt quá số giờ làm việc quy định tại Nghị định 116/2021/NĐ-CP⁵.

đ) Đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động đối với người cai nghiện ma túy.

e) Không ép buộc, dọa nạt, đe dọa hoặc gây tổn hại về tâm lý, về thân thể người cai nghiện ma túy trong suốt quá trình lao động, lao động trị liệu.

3.2. Lao động do cơ sở cai nghiện phối hợp với người sử dụng lao động (doanh nghiệp) tổ chức

a) Trước khi đưa người cai nghiện ma túy đi lao động, cần đảm bảo họ được tư vấn đầy đủ, căn kẽ về việc tham gia lao động, để người cai nghiện ma túy hiểu rõ lao động nhằm giúp họ cải thiện về sức khỏe thể chất, tâm trí, tăng cường ý thức tổ chức, kỷ luật trong lao động, nâng cao tinh thần tự lập và giúp họ nhận thức được giá trị của lao động.

⁵ Điều 68 Nghị định 116/2021/NĐ-CP về chế độ lao động, lao động trị liệu:

“1. Thời gian lao động, lao động trị liệu của người cai nghiện ma túy không quá 08 giờ trong một ngày và không quá 48 giờ trong một tuần.

2. Trường hợp cơ sở cai nghiện tổ chức lao động hoặc phối hợp với người sử dụng lao động để tổ chức lao động thì phải đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật lao động; người cai nghiện phải đăng ký với cơ sở cai nghiện và được hưởng thành quả của lao động theo quy định”.

Khoản 1 Điều 74 Nghị định 116/2021/NĐ-CP về tham gia, lao động trị liệu đối với người từ đủ 12 tuổi đến 18 tuổi:

“1. Người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi khi tham gia lao động trị liệu theo quy trình cai nghiện do cơ sở cai nghiện ma túy tổ chức, thì thời gian lao động trị liệu như sau:

a) Đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 15 tuổi thì thời gian lao động không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 20 giờ trong một tuần.

b) Đối với người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi thì thời gian lao động không quá 06 giờ trong một ngày và không quá 30 giờ trong một tuần.”

○ Gọi ý một số thông tin căn bản cần phải được tư vấn cho người cai nghiện ma túy:

- Thông tin về chủ sử dụng lao động;
- Công việc thực hiện;
- Nơi làm việc;
- Tiền công;
- Thời gian làm việc;
- Điều kiện làm việc;
- Điều kiện sinh hoạt và ăn ở...

b) Bảo đảm người cai nghiện có quyền tự nguyện đăng ký lao động với cơ sở cai nghiện (lập danh sách có chữ ký của người cai nghiện tự nguyện đăng ký tham gia lao động).

c) Trường hợp người cai nghiện chưa đồng ý tự nguyện tham gia lao động, cần tiến hành liệu pháp tư vấn tâm lý, giúp họ hiểu rõ giá trị và mục đích của việc tham gia lao động để họ tự nguyện đăng ký tham gia, không đe dọa họ, không bạo lực thân thể của họ, không cô lập họ nhằm mục đích ép buộc họ tham gia lao động.

d) Bảo đảm người cai nghiện ma túy không bị tước quyền và bị đặt dưới quyền sử dụng của doanh nghiệp, công việc do người cai nghiện ma túy thực hiện vẫn phải do cơ sở cai nghiện tổ chức⁶ và phải được tiến hành dưới sự giám sát và kiểm tra của cơ sở cai nghiện.

⁶ Cơ sở cai nghiện ký hợp đồng với doanh nghiệp, sau đó tổ chức cho người cai nghiện thực hiện, không thực hiện việc ký hợp đồng trực tiếp giữa doanh nghiệp và người cai nghiện.

đ) Bố trí các công việc phù hợp với sức khỏe, giới tính, độ tuổi, tình trạng bệnh của người cai nghiện ma túy. Không dùng bất kỳ hình thức nào nhằm ép buộc người cai nghiện ma túy làm công việc không đúng như đăng ký ban đầu.

e) Đảm bảo người cai nghiện ma túy tuân thủ quy chế của cơ sở cai nghiện và của doanh nghiệp.

g) Đảm bảo thời gian làm việc bình thường, việc huy động làm thêm giờ, thời giờ nghỉ ngơi thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và Nghị định 116/2021/NĐ-CP.

h) Đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động đối với người cai nghiện ma túy.

i) Không ép buộc, dọa nạt, đe dọa hoặc gây tổn hại về tâm lý, về thân thể người cai nghiện ma túy trong suốt quá trình lao động.

k) Trong quá trình làm việc, không hạn chế đi lại đối với người cai nghiện ma túy trong khuôn khổ các khu vực của cơ sở cai nghiện ma túy hoặc nơi làm việc.

Ví dụ: hạn chế đi lại dưới một số hình thức như:

○ Buộc người cai nghiện ma túy phải làm việc trong các phòng bị khóa cửa hoặc khu vực cách ly.

○ Cấm người cai nghiện ma túy đi ra ngoài với lý do chính đáng như nghỉ giải lao, đi vệ sinh, uống nước... nếu không có bảo vệ hoặc người đi cùng.

l) Bảo đảm việc trả công cho người cai nghiện ma túy tham gia lao động một cách phù hợp theo quy định của pháp

luật lao động, công khai tiền công lao động của người cai nghiện ma túy.

4. Trong giai đoạn chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng

4.1. Tư vấn và cung cấp thông tin cho người cai nghiện ma túy về việc họ chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng, giúp người cai nghiện ma túy tháo gỡ những lo lắng về việc hoà nhập cộng đồng.

4.2. Tư vấn các biện pháp phòng, chống tái nghiện cho người cai nghiện ma túy; kỹ năng từ chối sử dụng ma túy khi tái hòa nhập cộng đồng; biện pháp quản lý sau cai nghiện tại cộng đồng và các chính sách hỗ trợ hòa nhập của nhà nước đối với người sau cai nghiện ma túy.

4.3. Cung cấp thông tin về thị trường lao động, địa chỉ giới thiệu việc làm, giới thiệu, cung cấp thông tin, địa chỉ dịch vụ công tác xã hội, nhóm sinh hoạt đồng đẳng tại địa phương cho người cai nghiện ma túy...

II. ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TUÝ TỰ NGUYỆN

1. Theo quy định của Luật Phòng chống ma túy năm 2021 và Nghị định 116/2021/NĐ-CP, việc cai nghiện ma túy tự nguyện phải bảo đảm hoàn thành đủ 03 giai đoạn bao gồm:

- Giai đoạn tiếp nhận, phân loại;
- Giai đoạn điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác;
- Giai đoạn giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách.

2. Đối với các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, do đối tượng tại đây là người cai nghiện ma túy tự nguyện, vì vậy, hoạt động lao động, lao động trị liệu cũng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của người cai nghiện.

3. Các nguyên tắc cơ bản để loại bỏ nguy cơ lao động cưỡng bức tại các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện được thực hiện tương tự như đối với trường hợp lao động do cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc phối hợp với doanh nghiệp tổ chức (Tiểu mục 3.2).

4. Một số điểm lưu ý riêng khi tổ chức lao động, lao động trị liệu cho người cai nghiện ma túy tự nguyện:

- Đưa nội dung lao động, lao động trị liệu vào Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện.
- Nội dung của Hợp đồng dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện về hoạt động lao động càng cụ thể càng tốt và phải bao gồm các thông tin cơ bản sau:
 - Công việc thực hiện;
 - Nơi làm việc;
 - Tiền công (trong trường hợp tổ chức lao động không phải là lao động trị liệu);
 - Điều kiện làm việc;
 - Thông tin về chủ sử dụng lao động (nếu có)...

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ DẤU HIỆU NHẬN BIẾT LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC⁽⁷⁾

Trong một tình huống cụ thể, có thể chỉ cần 1 dấu hiệu là đã nhận biết tình trạng lao động cưỡng bức. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp khác, có thể phải kết hợp nhiều dấu hiệu với nhau mới có thể nhận biết vụ việc về lao động cưỡng bức.

Có 11 dấu hiệu nhận biết lao động cưỡng bức có liên quan đến người cai nghiện ma túy, như sau:

1. Dấu hiệu số 1:

Lạm dụng tình trạng khó khăn của người cai nghiện

- Lợi dụng hoàn cảnh dễ bị tổn thương của người cai nghiện.
- Lợi dụng người cai nghiện hạn chế về ngôn ngữ, thiếu cơ hội lựa chọn, thuộc nhóm dân tộc thiểu số, hoặc bị khuyết tật.

2. Dấu hiệu số 2:

Lừa gạt

Dùng những thủ đoạn lừa dối để và những lời hứa hẹn không có thật để dụ dỗ người cai nghiện, ví dụ như về:

- Tiền công.
- Điều kiện làm việc.

⁷ Dựa theo Bộ tài liệu “Các chỉ số của Tổ chức Lao động quốc tế về lao động cưỡng bức” thuộc Chương trình Hành động đặc biệt Phòng chống lao động cưỡng bức.

- Loại hình công việc.
- Điều kiện sinh hoạt và ăn ở.
- Nơi làm việc.
- Thông tin về chủ sử dụng lao động.

3. Dấu hiệu số 3:

Hạn chế đi lại

Ví dụ như: Làm việc trong các khu vực bị cách ly hoặc các trung tâm bị khóa cửa và bị kiểm soát.

4. Dấu hiệu số 4:

Cô lập

Bị cô lập ở nơi làm việc, ví dụ như:

- Nơi làm việc biệt lập ở xa khu dân cư.
- Thiếu phương tiện đi lại.
- Bị tịch thu điện thoại di động hoặc những phương tiện giao tiếp khác.
- Cấm hoặc hạn chế liên hệ với gia đình và bạn bè hoặc nhờ giúp đỡ từ bên ngoài.

5. Dấu hiệu số 5:

Xâm phạm thân thể và tình dục

- Người cai nghiện, thành viên gia đình hoặc bạn bè của họ bị bạo lực thể xác hoặc tình dục để cưỡng bức họ lao động.

- Ép người cai nghiện dùng các chất kích thích để kiểm soát họ.

6. Dấu hiệu số 6:

Dọa nạt, đe dọa

- Dọa nạt hoặc đe dọa khi người cai nghiện phàn nàn hoặc muốn nghỉ làm việc.
- Đe dọa sẽ tố cáo với nhà chức trách về những vấn đề của người cai nghiện.
- Đe dọa cắt giảm, hạn chế các quyền lợi khác đối với người cai nghiện.
- Người cai nghiện bị giam giữ.
- Người cai nghiện không được ăn uống.
- Người cai nghiện có điều kiện làm việc tồi tệ.
- Gây áp lực về tâm lý bằng việc lăng mạ, ảnh hưởng đến nhân phẩm của người cai nghiện.

7. Dấu hiệu số 7:

Giữ giấy tờ tùy thân

- Thu giữ giấy tờ tùy thân hoặc những vật dụng có giá trị của người cai nghiện.
- Người cai nghiện cần được giữ giấy tờ tùy thân và những vật dụng của mình khi cần.

8. Dấu hiệu số 8:

Giữ tiền công

- Giữ tiền công (trong trường hợp được trả công) được coi là lao động cưỡng bức, nếu tiền công đó bị giữ một cách có hệ thống và có tính toán như là cách để ép buộc người cai nghiện tiếp tục làm việc.

Lưu ý: Việc chậm trả công hoặc chậm trả không thường xuyên không lập tức bị coi là lao động cưỡng bức mà còn tùy theo các dấu hiệu ở từng trường hợp cụ thể.

9. Dấu hiệu số 9:

Lệ thuộc vì nợ

Người cai nghiện bị cưỡng bức thường làm việc với mong muốn trả được hết số nợ phát sinh. Tiền nợ có thể phát sinh từ việc:

- Người cai nghiện ma túy tự nguyện chưa kịp nộp phí dịch vụ cai nghiện.
- Người cai nghiện được tạm ứng hoặc vay tiền.

Lưu ý: Lệ thuộc vì nợ khác với việc người cai nghiện vay 1 khoản thông thường từ ngân hàng hoặc 1 cá nhân cho vay tiền với những điều khoản trả vay hợp lý và hai bên cùng thống nhất.

10. Dấu hiệu số 10:

Điều kiện sống và làm việc bị lạm dụng

Nạn nhân của lao động cưỡng bức phải chấp nhận các điều kiện làm việc và sinh hoạt tồi tệ ví dụ như:

- Xuống cấp, âm thấp hoặc bản thiu.
- Độc hại.
- Quá chật chội và không lành mạnh, không có sự riêng tư.
- Không đủ điều kiện đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của người cai nghiện ma túy.

Lưu ý: Điều kiện làm việc và sinh hoạt không đảm bảo chưa phải là dấu hiệu để xác định hoàn toàn một hành vi cưỡng bức lao động. Tuy nhiên, khi kết hợp cùng với các dấu hiệu khác thì có thể xác định được hành vi cưỡng bức lao động.

11. Dấu hiệu số 11:

Thời giờ làm việc kéo dài, vượt quá quy định

- Tổng thời gian lao động, lao động trị liệu quá 08 giờ trong một ngày và quá 48 giờ trong một tuần.
- Huy động làm thêm giờ nhưng không theo quy định của Bộ luật Lao động về việc làm thêm giờ.

PHỤ LỤC 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM CÓ LIÊN QUAN VỀ LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC VÀ CHẾ ĐỘ LAO ĐỘNG CỦA HỌC VIÊN TRONG CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TUÝ

1. Câu hỏi 1:

Thế nào là người nghiện ma túy, thế nào là cai nghiện ma túy và thế nào là cơ sở cai nghiện ma túy?

- *Người nghiện ma túy* là người sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần và bị lệ thuộc vào các chất này (Khoản 12 Điều 2 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).
- *Cai nghiện ma túy* là quá trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ về y tế, tâm lý, xã hội, giúp người nghiện ma túy dừng sử dụng chất ma túy, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, phục hồi thể chất, tinh thần, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi để chấm dứt việc sử dụng trái phép các chất này (Khoản 13 Điều 2 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).
- *Cơ sở cai nghiện ma túy* là cơ sở được thành lập để thực hiện đầy đủ quy trình cai nghiện theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy, bao gồm cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện (Khoản 14 Điều 2 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021).

2. Câu hỏi 2:

Các biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm biện pháp nào?

Theo quy định tại Điều 28 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, các biện pháp cai nghiện ma túy bao gồm:

- Cai nghiện ma túy tự nguyện, được thực hiện tại gia đình, cộng đồng hoặc tại cơ sở cai nghiện ma túy;
- Cai nghiện ma túy bắt buộc, được thực hiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

3. Câu hỏi 3:

Quy trình cai nghiện ma túy thực hiện như thế nào?

• Theo quy định tại Điều 29 của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, quy trình cai nghiện ma túy bao gồm các giai đoạn sau đây:

- Tiếp nhận, phân loại;
- Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác;
- Giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách;
- Lao động trị liệu, học nghề;
- Chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng.

Việc cai nghiện ma túy bắt buộc phải bảo đảm đầy đủ các giai đoạn trên.

Việc cai nghiện ma túy tự nguyện phải bảo đảm hoàn thành đủ 03 giai đoạn bao gồm: (1) Tiếp nhận, phân loại; (2) Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị các rối loạn tâm thần, điều

trị các bệnh lý khác; (3) Giáo dục, tư vấn, phục hồi hành vi, nhân cách.

• Cụ thể hoá Luật Phòng, chống ma túy năm 2021, Nghị định số 116/2021/NĐ-CP⁽⁸⁾ đã quy định chi tiết về quy trình cai nghiện ma túy tại Chương III, như sau:

○ Điều 22. Tiếp nhận, phân loại:

1. Thực hiện các thủ tục tiếp nhận người cai nghiện theo nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện.

2. Thu thập thông tin cá nhân của người nghiện ma túy để tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện, gồm: độ tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe, loại ma túy sử dụng, mức độ sử dụng, trình độ học vấn, nghề nghiệp và các vấn đề khác về bản thân, gia đình người nghiện ma túy theo Mẫu số 19 Phụ lục II Nghị định này.

3. Thông tin về phương pháp cai nghiện, chương trình cai nghiện; tư vấn, giải đáp các thắc mắc cho người nghiện ma túy.

4. Phân loại đối tượng và tư vấn xây dựng kế hoạch cai nghiện ma túy theo Mẫu số 20 Phụ lục II Nghị định này.

○ Điều 23. Điều trị cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần, điều trị các bệnh lý khác:

1. Khám, xây dựng bệnh án đối với người cai nghiện; chú ý các dấu hiệu rối loạn tâm thần, bệnh cơ hội.

⁸ Ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy và Luật xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Xác định loại ma túy, liều lượng ma túy người nghiện sử dụng để xây dựng phác đồ điều trị cắt cơn, giải độc theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

3. Tư vấn tâm lý đối với người nghiện trước khi điều trị cắt cơn, giải độc.

4. Thực hiện phác đồ điều trị theo các quy định, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế. Kết hợp sử dụng thuốc với các biện pháp tâm lý và các biện pháp vật lý trị liệu phục hồi chức năng; kết hợp điều trị cắt cơn, giải độc với điều trị rối loạn tâm thần và các bệnh cơ hội khác.

○ *Điều 24. Giáo dục, tư vấn phục hồi hành vi, nhân cách:*

1. Tổ chức dạy văn hóa, học tập các chuyên đề: giáo dục công dân, sức khỏe và cộng đồng, pháp luật, đạo đức, truyền thống dân tộc và chuyên đề phù hợp khác với số lượng, trình độ học vấn người cai nghiện.

2. Tổ chức các hoạt động trị liệu tâm lý nhằm điều trị các rối loạn tâm thần, nâng cao kỹ năng sống, giá trị sống, tư duy tích cực, kỹ năng tự quản lý bản thân cho người cai nghiện.

3. Kết hợp việc học tập, trị liệu với việc tư vấn, khuyến khích người cai nghiện tham gia các hoạt động lao động sinh hoạt hàng ngày tại cơ sở để tạo ý thức, thói quen tốt trong sinh hoạt.

4. Tổ chức thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao, các chương trình sinh hoạt tập thể, trò chơi vận động cho người cai nghiện.

○ *Điều 25. Lao động trị liệu, học nghề:*

1. Tổ chức các hoạt động lao động trị liệu nhằm giúp người cai nghiện cải thiện về sức khỏe thể chất, tâm trí, tăng

cường ý thức tổ chức, kỷ luật trong lao động, nâng cao tinh thần tự lập và giúp người cai nghiện nhận thức được giá trị của lao động.

2. Căn cứ vào số lượng, sức khỏe, độ tuổi, giới tính, trình độ, thời gian, nguyện vọng của người cai nghiện để tổ chức các hoạt động hướng nghiệp, dạy nghề phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.

○ *Điều 26. Chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng:*

1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cai nghiện theo các mục tiêu; đánh giá tình trạng sức khỏe thể chất, tâm thần của người cai nghiện ma túy.

2. Xác định nơi cư trú của người cai nghiện để chuẩn bị thực hiện biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy; tư vấn các biện pháp phòng, chống tái nghiện cho người cai nghiện ma túy; kỹ năng từ chối sử dụng ma túy khi tái hòa nhập cộng đồng.

3. Cung cấp thông tin về biện pháp quản lý sau cai nghiện tại cộng đồng và các chính sách hỗ trợ hòa nhập của nhà nước đối với người sau cai nghiện ma túy; giới thiệu, cung cấp thông tin, địa chỉ dịch vụ công tác xã hội, nhóm sinh hoạt đồng đẳng tại địa phương cho người cai nghiện ma túy.

4. Phổ biến chính sách, pháp luật, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, thị trường lao động, tư vấn, giáo dục kỹ năng sống, trợ giúp về tâm lý, hỗ trợ các thủ tục pháp lý nhằm trang bị kiến thức cần thiết, nâng cao khả năng tự giải quyết những khó khăn, vướng mắc của người cai nghiện ma túy.

5. Hướng dẫn người cai nghiện ma túy xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng theo Mẫu số 21 Phụ lục II Nghị định này. Kế hoạch cần xác định mục tiêu, nguyện vọng của người

cai nghiện ma túy, hoàn cảnh thực tế, sự hỗ trợ của các nguồn lực, năng lực bản thân người cai nghiện ma túy, chọn việc làm phù hợp với sức khỏe và kỹ năng lao động của bản thân.

○ *Điều 27. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy trình cai nghiện:*

1. Căn cứ quy định tại các Điều 22, 23, 24, 25 và Điều 26 của Nghị định này và điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự của đơn vị, cơ sở cai nghiện xây dựng, ban hành quy trình cai nghiện ma túy.

2. Quy trình cai nghiện ma túy phải phù hợp với phân loại người nghiện ma túy, thời gian cai nghiện của đối tượng, độ tuổi, giới tính, sức khỏe và trình độ học vấn của đối tượng cai nghiện.

4. Câu hỏi 4:

Chế độ lao động, lao động trị liệu đối với người nghiện ma túy như thế nào?

Chế độ lao động, lao động trị liệu đối với người nghiện ma túy theo quy định tại Nghị định số 116/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

• *Đối với người cai nghiện ma túy từ 18 tuổi trở lên (Điều 68):*

○ Thời gian lao động, lao động trị liệu của người cai nghiện ma túy không quá 08 giờ trong một ngày và không quá 48 giờ trong một tuần.

○ Trường hợp cơ sở cai nghiện tổ chức lao động hoặc phối hợp với người sử dụng lao động để tổ chức lao động thì phải đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật lao động; người cai nghiện phải đăng ký với cơ sở cai nghiện và được hưởng thành quả của lao động theo quy định.

• *Đối với người cai nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi (Điều 74):*

○ Đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 15 tuổi thì thời gian lao động không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 20 giờ trong một tuần.

○ Đối với người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi thì thời gian lao động không quá 06 giờ trong một ngày và không quá 30 giờ trong một tuần.

○ Khi tổ chức lao động trị liệu, cơ sở cai nghiện phải bố trí công việc, nơi làm việc cho người cai nghiện từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi theo quy định của Bộ Luật lao động và bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

5. Câu hỏi 5:

Hiến pháp năm 2013 quy định như thế nào về cưỡng bức lao động?

Khoản 3 Điều 35 Hiến pháp năm 2013 quy định “*Nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, sử dụng nhân công dưới độ tuổi lao động tối thiểu*”.

6. Câu hỏi 6:

Bộ luật Lao động năm 2019 quy định như thế nào về cưỡng bức lao động và phòng, chống cưỡng bức lao động?

• Khoản 7 Điều 3 định nghĩa về cưỡng bức lao động là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác để ép buộc người lao động phải làm việc trái ý muốn của họ;

• Điều 17 quy định nghiêm cấm người sử dụng lao động: giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động; yêu cầu người lao động phải thực hiện

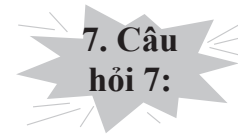
biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động; buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho người sử dụng lao động;

- Khoản 2, Khoản 3 Điều 102 quy định người sử dụng lao động chỉ được khấu trừ tiền lương của người lao động trong một số trường hợp theo quy định. Người lao động có quyền được biết lý do khấu trừ tiền lương của mình và mức khấu trừ tiền lương hàng tháng không được quá 30% tiền lương thực trả hàng tháng của người lao động sau khi trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân;

- Điểm a Khoản 2 Điều 107 quy định người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi có sự đồng ý của người lao động và đáp ứng các điều kiện quy định tại Bộ luật Lao động;

- Điều 124 quy định về các hình thức xử lý kỷ luật lao động chỉ bao gồm: khiển trách; kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng; cách chức; sa thải. Người sử dụng lao động không được tự đặt ra những hình thức xử lý kỷ luật khác ngoài 4 hình thức trên như hình thức cưỡng bức lao động;

- Điều 127 quy định về các hành vi bị nghiêm cấm khi xử lý kỷ luật lao động bao gồm: xâm phạm sức khỏe, danh dự, tính mạng, uy tín, nhân phẩm của người lao động; phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động; xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động có hành vi vi phạm không được quy định trong nội quy lao động hoặc không thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã giao kết hoặc pháp luật về lao động không có quy định.



7. Câu hỏi 7:

Chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm về lao động cưỡng bức được quy định như thế nào trong pháp luật Việt Nam?

Đối với những hành vi vi phạm về lao động cưỡng bức, tùy tính chất, mức độ nghiêm trọng mà có thể bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể như sau:

- **Về chế tài hình sự:**

Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định tại Điều 297 về Tội cưỡng bức lao động và Điểm b Khoản 1 Điều 150 về Tội mua bán người; Điểm b Khoản 1 Điều 151 về Tội mua bán người dưới 16 tuổi đối với các trường hợp chuyển giao hoặc tiếp nhận người để cưỡng bức lao động, cụ thể như sau:

- Điểm b Khoản 1 Điều 150:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc bằng thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác”.

- Điểm b Khoản 1 Điều 151:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác”.

○ Điều 297 về Tội cưỡng bức lao động:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác ép buộc người khác phải lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 31% đến 60%.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;

d) Làm chết 01 người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 31% đến 60%;

e) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 61% trở lên;

g) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Làm chết 02 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 122% trở lên.

4. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

● **VỀ CHẾ TÀI HÀNH CHÍNH:**

○ Điểm b, đ Khoản 1 Điều 3 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật và người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính; cá nhân, tổ chức bị xử phạt có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không vi phạm hành chính. Luật quy định cụ thể về việc áp dụng một số biện pháp xử lý hành chính và thẩm quyền áp dụng đảm bảo nguyên tắc này, theo đó Toà án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp

dụng các biện pháp hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

○ Cụ thể hóa Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) về chế tài hành chính đối với hành vi cưỡng bức lao động, Nghị định số 12/2022/NĐ-CP⁹ quy định phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với người sử dụng lao động cưỡng bức lao động hoặc ngược đãi người lao động nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự¹⁰; phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài để tổ chức xuất cảnh trái phép, bóc lột hoặc cưỡng bức lao động nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự¹¹.

⁹ Ngày 17/01/2022 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

¹⁰ Điểm a Khoản 4 Điều 11; Khoản 4 Điều 30.

¹¹ Điểm a Khoản 9 Điều 42; Điểm a khoản 8 Điều 43; Điểm a Khoản 6 Điều 45.